TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN** **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **62**/2023/HNGĐ-ST
Ngày 31-8-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN, TỈNH THÁI NGUYÊN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Ông Vương Hồng Giang;

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Triệu Đức Tươi và bà Nguyễn Thị Hoàng Lan.

- *Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà:* Bà Vũ Hoàng Yến, Thư ký Toà án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 416/2023/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2023, về "tranh chấp ly hôn và nuôi con chung", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 76/2023/QĐXX ngày 17/8/2023, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: Chị **Vi Thị C**, sinh năm 2002, (có mặt);

Địa chỉ: Xóm B, xã C, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

* *Bị đơn*: Anh **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1998, (vắng mặt);

Địa chỉ: Xóm Q, xã S, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn, ản" *bản tự khai và tại phiên toà, nguyên đơn chị Vi Thị C trình bày:* Chị và anh Nguyễn Văn T kết hôn tháng 3 năm 2022, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên theo quy định. Sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn, đến tháng 5 năm 2022 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, anh T không quan tâm đến vợ con, vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm không thể hàn gắn được, không mang lại hạnh phúc không cho hai bên, dẫn đến vợ chồng đã phải sống ly thân từ tháng 5 năm 2022 cho đến nay. Nay chị C xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị C xác định có một con chung tên là Nguyễn Tùng A, sinh ngày 17/01/2022, sau khi ly hôn chị C có nguyện vọng được trực nuôi con chung. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, chị và anh T tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị C xác định vợ chồng không có tài sản chung, không vay nợ chung và không cho ai vay, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại ản" *bản tự khai bị đơn anh Nguyễn Văn T trình bày*: Về quan hệ hôn nhân và quá trình vợ chồng chung sống, anh nhất trí với lời trình bày của chị C. Anh xác định mâu thuẫn vợ chồng là có thật, dẫn đến vợ chồng phải sống ly thân từ tháng 5 năm 2022 cho đến nay, xác định tình cảm vợ chồng không còn. Nay, chị C xin ly hôn anh T nhất trí.

Về con chung: Anh T xác định vợ chồng có một con chung tên là Nguyễn Tùng A, sinh ngày 17/01/2022 như lời trình bày của chị C, sau khi ly hôn anh T nhất trí để chị C trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, anh và chị C tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh T xác định không có như lời trình bày của chị C và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ kiện tranh chấp về hôn nhân và gia đình được quy định tại Điều 28, Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự; anh T có hộ khẩu thường trú tại xóm Q, xã S, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân thành phố Thái Nguyên.

Bị đơn anh Nguyễn Văn T đã được Toà án triệu tập hợp lệ và có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh T.

[2] Về nội dung vụ án: Chị Vi Thị C và anh Nguyễn Văn T kết hôn năm 2022, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên, đây được coi là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình giải quyết vụ án, các bên đương sự đều thừa nhận, trong quá trình chung sống, vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, vợ chồng đã ly thân từ tháng 5 năm 2022, điều này chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng. Mặt khác, khi Tòa án tiến hành hòa giải để các đương sự quay trở về đoàn tụ gia đình nuôi dạy con cái, nhưng chị C kiên quyết xin ly hôn, anh T cũng nhất trí, điều đó khẳng định tình cảm vợ chồng không còn. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, để giải phóng cho các bên đương sự, cần chấp nhận đơn xin ly hôn của chị C là phù hợp với thực tế.

[3] Về con chung: Chị C và anh T có một con chung tên là Nguyễn Tùng A, sinh ngày 17/01/2022. Chị C có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con, anh T nhất trí. Hội đồng xét xử xét thấy, chị C có thu nhập ổn định, có chỗ ở đảm bảo, đủ điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung. Xét thấy, giao

con chung Nguyễn Tùng A, sinh ngày 17/01/2022 cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với thực tế, phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung không ai được cản trở.

[4] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị C và anh T tự thỏa thuận, không yêu cầu Hội đồng xét xử giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Các bên đương sự xác định không có tài sản chung, không yêu cầu Hội đồng xét xử giải quyết.

[6] Về án phí: Chị C phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 và Điều 483 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51; 56; 58; Điều 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện ly hôn của chị Vi Thị C. Chị Vi Thị C được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Tùng A, sinh ngày 17/01/2022 cho chị Vi Thị C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con đủ 18 tuổi, có khả năng lao động hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Anh Nguyễn Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết, do đương sự không có yêu cầu.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết, do đương sự không có yêu cầu.

5. Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban ờng" Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Chị Vi Thị C phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0000359 ngày 06/7/2023 của C1 ục" cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Chị Vi Thị C có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Văn T có quyền kháng cáo Bản án trong

thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được ản" Bản án hoặc kể từ ngày ản" Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND TP. Thái Nguyên;
- Chi cục THADS TP. Thái Nguyên;
- UBND xã Sơn Cẩm, TP. TN;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Vương Hồng Giang